

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình và bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1991;

Địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ F, ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai;

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Tổ I, ấp E, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Vương T1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T vắng mặt, ông T1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T trình bày:

Bà và ông Trần Vương T1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 18/02/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi vã, xung đột, khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà cố gắng sống chung với ông T1 đến năm 2021 thì sống ly thân cho đến nay. Nay bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Vương T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 03 con chung tên là: Trần Ngọc Gia K,

sinh ngày 07/02/2012; Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 19/10/2017 và Trần Gia H1, sinh ngày 02/8/2021. Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà yêu cầu giao cả 03 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, sau khi ông T1 làm việc tại Tòa án có ý kiến đề nghị để cháu Trần Ngọc Gia K được tiếp tục ở với ông T1 và ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì bà đồng ý giao cháu Trần Ngọc Gia K cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với 02 cháu Trần Ngọc Gia H và Trần Gia H1 hiện nay đang ở với bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; nên bà yêu cầu giao cháu H và cháu H1 cho bà được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà và ông T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà đang làm nghề buôn bán tự do, có thu nhập ổn định hàng tháng và có chỗ ở ổn định để nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Vương T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Thùy T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 18/02/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng thời gian giữa năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông nghi ngờ vợ ông ngoại tình, nên vợ chồng đã xảy ra cãi vã, xung đột, chứ ông chưa đánh đập bà T lần nào. Bà T đã về sinh sống, làm ăn tại nhà bố mẹ ruột của bà T tại huyện Đ, tỉnh Đồng Nai từ năm 2022 đến nay. Hiện nay vợ chồng ông vẫn sống ly thân, chưa quay về chung sống với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ông chưa qua chính quyền địa phương hòa giải do vợ chồng ông không yêu cầu. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, vì ông muốn hàn gắn hôn nhân để vợ chồng cùng nuôi con. Ông chấp nhận tiếp tục cuộc sống vợ chồng ly thân, chấp nhận bà T tiếp tục sống bên nhà bố mẹ ruột của bà T tại huyện Đ, còn ông sống tại xã P, huyện V, nhưng nếu ly hôn thì ông thấy thiệt thòi cho các con, nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung tên là: Trần Ngọc Gia K, sinh ngày 07/02/2012; Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 19/10/2017 và Trần Gia H1, sinh ngày 02/8/2021. Hiện nay các cháu Trần Ngọc Gia H và Trần Gia H1 đang ở với bà T tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; còn cháu Trần Ngọc Gia K đang ở với ông tại xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Nếu phải ly hôn thì ông đề nghị giao cháu Trần Ngọc Gia K cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu K đang ở với ông, được cho ăn học tại xã P, cuộc sống và chuyện ăn học của cháu K đang ổn định, không nên bị xáo trộn. Còn đối với cháu H và cháu H1 đang ở với bà T thì giao cho bà T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay ông đang làm nghề tự do, có thu nhập ổn định hàng tháng để nuôi con. Ông và cháu K hiện có nhà riêng làm nơi ở tại ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Các đương sự đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn. Về con chung: ghi nhận ý kiến thống nhất của các đương sự về việc giao cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 19/10/2017 và Trần Gia H1, sinh ngày 02/8/2021 cho bà T nuôi dưỡng; giao cháu Trần Ngọc Gia K, sinh ngày 07/02/2012 cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời bà T, ông T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Thùy T khởi kiện ông Trần Vương T1 yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại: Tổ F, ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Tại phiên tòa, bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông T1 có mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thùy T và ông Trần Vương T1 chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 18/02/2011. Căn cứ các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời khai của bà T xác định quá trình chung sống, bà và ông T1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay; nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 xác định ông và bà T có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do ông nghi ngờ bà T ngoại tình, nên vợ chồng đã xảy ra

cải vả, xung đột; bà T đã về sinh sống, làm ăn tại nhà bố mẹ ruột của bà T tại huyện Đ, tỉnh Đồng Nai từ năm 2022 đến nay, hiện nay vợ chồng ông vẫn sống ly thân, chưa quay về chung sống với nhau.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại chính quyền địa phương nơi bà T và ông T1 kết hôn, chung sống, xác định quá trình chung sống giữa bà T và ông T1 có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng không còn sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp hòa giải đối với bà T và ông T1 nhưng ông T1 không đến Tòa án để hòa giải, bà T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Cho thấy cả bà T và ông T1 đều không có thiện chí để hòa giải hàn gắn hôn nhân.

Bà T và ông T1 đã sống ly thân, không còn có sự chăm sóc lẫn nhau. Ông T1 không đồng ý ly hôn nhưng quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân và quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông cũng không có phương án nào để có thể hòa giải, hàn gắn hôn nhân giữa ông với bà T, trong khi bà T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà T và ông T1 có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T1.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 có 03 con chung tên là: Trần Ngọc Gia K, sinh ngày 07/02/2012; Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 19/10/2017 và Trần Gia H1, sinh ngày 02/8/2021. Hiện nay các cháu Trần Ngọc Gia H và Trần Gia H1 đang ở với bà T; còn cháu Trần Ngọc Gia K đang ở với ông T1. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông T1 có ý kiến thống nhất giao cháu Trần Ngọc Gia K cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Ngọc Gia H và Trần Gia H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời bà T và ông T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tiến hành thủ tục hỏi ý kiến, nguyện vọng của cháu Trần Ngọc Gia K và Trần Ngọc Gia H, thì cháu K có nguyện vọng được tiếp tục ở với ông T1, còn cháu H có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà T. Cả bà T và ông T1 đều có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết giao cháu Trần Ngọc Gia K cho ông T1, giao cháu Trần Ngọc Gia H và Trần Gia H1 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời bà T, ông T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T, ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy T được ly hôn với ông Trần Vương T1.

1.2. Về con chung:

Giao cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 19/10/2017 và Trần Gia H1, sinh ngày 02/8/2021 cho bà Trần Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trần Ngọc Gia K, sinh ngày 07/02/2012 cho ông Trần Vương T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà T, ông T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T, ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025085 ngày 14/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Ông Trần Vương T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Thùy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Đặng Quang Tuyền